TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Ông Phan Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Phương T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Anh K**,** sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản khai chị Trần Phương T *trình bày*:

Chị T và anh K tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể hàn tình cảm được và đã sống ly thân đến nay được một năm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Có hai con chung tên là Phan Trần Thiên L, sinh ngày 08/11/2017 và Phan Trần Thiên N, sinh ngày 24/3/2019, các con sống cùng chị T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Phan Văn Anh K *vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh* K *không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị* T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trần Phương T đối với anh Phan Văn Anh K thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Phan Văn Anh K có nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Trần Phương T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Phan Văn Anh K đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh K theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Phương T và anh Phan Văn Anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và anh K không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh K. Theo chị T1 trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh K không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị T và anh K và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung

của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có hai con chung tên là Phan Trần Thiên L, sinh ngày 08/11/2017 và Phan Trần Thiên N, sinh ngày 24/3/2019, các con sống cùng chị T từ khi chị T và anh K sống ly thân cho đến nay. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung khi ly hôn. Khi được Toà án lấy ý kiến thì cháu Phan Trần Thiên L có nguyện vọng được sống cùng chị T khi chị T và anh K ly hôn. Chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Phan Trần Thiên L và Phan Trần Thiên N cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T. Anh K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Phan Trần Thiên L và Phan Trần Thiên N cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Phan Trần Thiên L và Phan Trần Thiên N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày tự thoả thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh K về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương T, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Phương T được ly hôn với anh Phan Văn Anh K.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Trần Thiên L, sinh ngày 08/11/2017 và Phan Trần Thiên N, sinh ngày 24/3/2019 cho chị Trần Phương T trực tiếp chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trần Phương T không yêu cầu anh Phan Văn Anh K cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Phương T, anh Phan Văn Anh K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Phương T, anh Phan Văn Anh K có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0008500 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Định Thuỷ (1b) ;
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Kim Sang